

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾP THẦN TÀI**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾP THẦN TÀI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEP THAN TAI JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BẾP THẦN TÀI

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108867944

**3. Ngày thành lập:** 15/08/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 81 đường Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                  | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                    | 1622        |
| 2.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                           | 1709        |
| 3.  | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                   | 2011        |
| 4.  | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                     | 2023        |
| 5.  | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                     | 2029        |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                               | 2220        |
| 7.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                             | 2511        |
| 8.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại<br>Chi tiết: Sản xuất tủ bếp                                                    | 2512(Chính) |
| 9.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                           | 2591        |
| 10. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                               | 2592        |
| 11. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                | 2599        |
| 12. | Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá                                                                                       | 2825        |
| 13. | Sản xuất máy chuyên dụng khác                                                                                                              | 2829        |
| 14. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                              | 3100        |
| 15. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất tủ bếp gỗ, tủ bếp Inox, thiết bị nhà bếp dân dụng, thiết bị nhà bếp công nghiệp | 3290        |
| 16. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                 | 3312        |
| 17. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                     | 3313        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                     | 3314        |
| 19. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                    | 3320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                             |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                  | 4299 |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4311 |
| 22. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                       | 4321 |
| 23. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn tủ bếp gỗ, tủ bếp Inox, thiết bị nhà bếp dân dụng, thiết bị nhà bếp công nghiệp                                                                                                                                    | 4649 |
| 24. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                         | 4651 |
| 25. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                          | 4652 |
| 26. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                      | 4653 |
| 27. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                             | 4659 |
| 28. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                | 4661 |
| 29. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                         | 4662 |
| 30. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                     | 4663 |
| 31. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                           | 4669 |
| 32. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690 |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                      | 4741 |
| 34. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                        | 4752 |
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ tủ bếp gỗ, tủ bếp Inox, thiết bị nhà bếp dân dụng, thiết bị nhà bếp công nghiệp | 4759 |
| 36. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                              | 4933 |
| 37. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                         | 7110 |
| 38. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7310 |
| 39. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                              | 7410 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu tủ bếp gỗ, tủ bếp Inox, thiết bị nhà bếp dân dụng, thiết bị nhà bếp công nghiệp                                                                                         | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức              | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN SỸ TOÀN | Số 1, ngõ 93 phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 27.400     | 274.000.000           | 13,700    | 001095019110                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Tổng số                   | 27.400     | 274.000.000           | 13,700    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | ĐÀO MINH QUANG | Số 84 phố Quan Nhân, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông         | 17.500     | 175.000.000           | 8,750     | 001095019111                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   | Tổng số                   | 17.500     | 175.000.000           | 8,750     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                   |                           |            |                       |           |                                                                                             |         |

|   |                              |                                                                                                |                                    |         |               |        |                  |
|---|------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------|---------------|--------|------------------|
| 3 | TRẦN THỊ<br>YẾN HOA          | Thôn Đồng Bàng,<br>Xã Đồng Thái,<br>Huyện Ba Vì,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam              | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000   | 60.000.000    | 3,000  | 017114043        |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Tổng số                            | 6.000   | 60.000.000    | 3,000  |                  |
| 4 | VŨ ĐỨC<br>HOÀNG              | B9, tổ 29 Trại<br>Nhân, Phường Ô<br>Chợ Dừa, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000   | 60.000.000    | 3,000  | 0010860226<br>09 |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Tổng số                            | 6.000   | 60.000.000    | 3,000  |                  |
| 5 | NGUYỄN CHÍ<br>TRỌNG<br>NGHĨA | Số 284 đường<br>Bưởi, Phường<br>Cổng Vĩ, Quận<br>Ba Đình, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam     | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 143.100 | 1.431.000.000 | 71,550 | 012247163        |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0       | 0             | 0,000  |                  |
|   |                              |                                                                                                | Tổng số                            | 143.100 | 1.431.000.000 | 71,550 |                  |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN SỸ TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 06/05/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001095019110

Ngày cấp: 14/02/2019

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 1, ngõ 93 phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 1, ngõ 93 phố Bùi Xương Trạch, Phường Khương Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội